

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:119/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa chị  
T và anh M ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà NGUYỄN HOÀNG YẾN.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NĐĐ**;

2. Ông **LVM**;

*- Thư ký phiên tòa:* Ông NGUYỄN VĂN ĐÔNG – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh TG tham gia phiên tòa:* Ông **DNT** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NTT**, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Anh **LVM**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn NTT trình bày:*

Chị và anh M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CT, tỉnh TG vào năm 2015. Thời gian đầu chị và anh M chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 giữa chị và anh M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hòa hợp nên chị sống ly thân với anh M từ tháng 10 năm 2018. Chị cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M. Chị và anh M có một con chung LAK, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016 đang sống chung với anh M. Khi yêu cầu ly hôn của chị được chấp nhận, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiệt. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung do chị có việc làm có thu nhập đủ để nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên

tòa chị nêu khoảng thời gian chị và anh M sống ly thân, cháu K sống cùng anh M , được đến trường. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt và nơi ở cho cháu K chị đồng ý giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K tốt hơn chị, bởi chị đang ở nhà T ề, làm công nhân nên thời gian chị gần gũi con sẽ không nhiều, chỉ mong anh M tạo điều kiện cho chị được thăm nom cháu K và ở cùng vào những ngày cuối tuần. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị sẽ tự lo theo khả năng của mình nên đề nghị không ghi vào bản án, quyết định của Tòa án. Trong thời gian chị và anh M sống chung có tạo lập tài sản chung. Nhưng tại phiên tòa, chị thống nhất là không có bởi xem như tài sản chung để anh M lo cho con chung. Chị và anh M không có nợ chung.

\* Đối với anh LVM từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh M không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh M chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T . Ghi nhận sự tự nguyện của chị T đồng ý giao cháu LAK, sinh ngày 25/10/2016 cho anh M nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh M chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, tại phiên tòa chị T xác định không có, không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị NTT về việc tranh chấp ly hôn với anh LVM T ộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT .

[2] Tại phiên tòa, anh LVM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh M .

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã TLT, huyện CT, tỉnh TG là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, chị T và anh M chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu T ẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên chị T sống ly thân với anh M từ tháng 10 năm 2018. Khoảng thời gian chị T và anh M sống ly thân, cả hai anh chị vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu T ẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, chị T không thể duy trì cuộc sống chung với anh M . Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh M không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với chị T . Do đó chị T yêu cầu được ly

hôn với anh M là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: LAK, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016 đang sống chung với anh M. Nhận thấy tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Đối chiếu với quy định, tính từ ngày cháu K sinh đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, được giao cho chị T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T nhận thấy cháu K đang sống cùng anh M quen nơi ở, cháu được đến trường. Vì vậy đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chị không muốn việc thay đổi nơi ở của cháu K sẽ xáo trộn sinh hoạt, ảnh hưởng tâm lý của con nên chị T đồng ý cho cháu K tiếp tục sống chung anh M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về yêu cầu của chị T được thăm nom cháu K sau khi ly hôn với anh M là quyền và nghĩa của chị được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó không ai được quyền cản trở chị T thăm nom cháu K sau khi ly hôn với anh M.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T đề nghị không ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án và anh M chưa có văn bản thể hiện ý kiến về vấn đề này nên đề nghị của chị T như trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Không có.

[8] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị NTT.

**1.** Về hôn nhân: Cho chị NTT ly hôn với anh LVM.

**2.** Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTT giao con chung LAK, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho anh M nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng con chung do anh M chưa có yêu cầu.

Không ai được quyền cản trở chị T thăm nom con chung sau khi ly hôn.

**3.** Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Chị T nêu không có, không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 09178 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh TG, như vậy chị T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG ;
- VKSDND H. CT , TG ;
- Chi cục THADS H. CT , TG ;
- UBND xã TLT, CT , TG;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HOÀNG YẾN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



